TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/DS-ST
Ngày 10 – 4 – 2018
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Phan Thị Thu**.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Huỳnh Hoàng Khởi**
Ông **Nguyễn Hoàng Dân**
- Thư ký phiên toà: Ông **Trương Thanh Quốc** – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 489/2018/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa:

Nguyên đơn: Bà Cao Bích T – sinh năm: 1988
Địa chỉ: Khóm B, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Thường trú tại ấp L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoàng T – sinh năm: 1984. địa chỉ: Khóm T, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau theo văn bản ủy quyền ngày 01/12/2017 (có mặt).

Bị đơn: Bà Trương Thu H – sinh năm: 1972 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 1, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như ý kiến bổ sung tại phiên tòa, Nguyên đơn là bà Cao Bích T yêu cầu: Vào ngày 01/3/2016 bà Cao Bích T có cho bà Trương Thu H vay số tiền 100.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất. Sau đó bà T có yêu cầu bà H trả nợ nhiều lần nhưng bà H không thực hiện vệc trả nợ. Bà H hẹn đến cuối tháng 9/2017 âm lịch trả nợ nhưng đến nay bà H vẫn không thực hiện. Nay bà T yêu cầu bà H trả cho bà T số tiền 100.000.000đ vốn, không yêu cầu tiền lãi.

Bà Trương Thu H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án để thông báo về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các lần triệu tập hòa giải, xét xử nhưng bà H vắng mặt và có ý kiến trình bày tại bản tự khai ngày

08/02/2018 cụ thể: Bà H thừa nhận có vay tiền của bà T 100.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, bà đã trả cho bà T 13.000.000đ tiền lãi. Nay bà thống nhất số tiền bà vay của bà T bằng 100.000.000đ. Ngoài ra, do bà T có mua tôm giống của bà với tổng số tiền bà T còn thiếu là 21.000.000đ. Bà yêu cầu đối trừ tiền tôm giống bà T nợ 21.000.000đ, bà chỉ có trách nhiệm trả cho bà T 79.000.000đ. Bà H xác định bà không làm đơn phản tố đối với số tiền tôm giống bà T còn nợ. Đối với số tiền lãi 13.000.000đ bà đã trả cho bà T, bà không đặt yêu cầu.

Các đương sự thống nhất: Số tiền vay 100.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Cao Bích T yêu cầu bà Trương Thu H thanh toán khoản tiền vay 100.000.000đ. Nên tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bà Trương Thu H Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ bà Trương Thu H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên họp hòa giải đến lần thứ hai nhưng bà Trương Thu H vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án là đúng quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệp tập hợp lệ bà Trương Thu H đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà Trương Thu H vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Trương Thu H là đúng quy định tại khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với số tiền vay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn 100.000.000đ, không yêu cầu tiền lãi. Bị đơn thống nhất có nợ và có thảo thuận thanh toán vào cuối tháng 9/2017 âm lịch nhưng đến nay bà Trương Thu H vẫn chưa thanh toán cho bà Cao Bích T. Do đó, bà Trương Thu H đã vi phạm về thời hạn trả nợ, nên yêu cầu của bà T về việc buộc bà H phải trả số tiền 100.000.000đ là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Đối với khoản tiền vay này, tại biên nhận ngày 01/3/2016 âm lịch nội dung không thể hiện thỏa thuận về lãi suất. Bà T cũng không yêu cầu tính lãi nên không xem xét. Đối với số tiền 13.000.000đ bà H cho rằng đã trả tiền lãi cho bà T, nguyên đơn thừa nhận có, nhưng cả nguyên và bị đơn đều không yêu cầu gì đối với số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với khoản tiền tôm giống bà H trình bày bà T còn nợ 21.000.000đ, đây là số tiền phát sinh từ giao dịch khác, ngoài giao dịch vay tài sản mà Tòa án đang thụ lý giải quyết. Mặc dù bà H đã được Tòa án giải thích quyền được yêu cầu phản tố và thủ tục để được Tòa án thụ lý, giải quyết đối với yêu cầu liên quan đến số tiền 21.000.000đ bà đã trình bày nhưng bà đã xác định không làm đơn yêu cầu phản tố mà chỉ thể hiện ý kiến về việc đối trừ với số tiền bà vay của bà T. Đến phiên tòa xét xử hôm này bà T vẫn không có đơn yêu cầu. Do đó căn cứ vào các Điều 195, 200, 202 của bộ luật tố tụng dân sự không đủ cơ sở để Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu liên quan đến số tiền mua bán tôm giống

21.000.000đ như bà H trình bày, nên không có cơ sở xem xét yêu cầu này. Bà Hằng có quyền khởi kiện thành vụ án khác khi có tranh chấp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Trương Thu H phải chịu theo quy định. Bà Cao Bích T không phải nộp án phí là đúng quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 463, 466, điểm b, khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 26, 147, 195, 200, 202, 207, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Cao Bích T:

Buộc bà Trương Thu H phải trả cho Bà Cao Bích T số tiền 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày bà Cao Bích T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trương Thu H không thanh toán xong khoản tiền nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)* bà Trương Thu H phải nộp *(chưa nộp)*. Bà Cao Bích T không phải nộp án phí, ngày 01/12/2017 bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm ngàn đồng)*, tại biên lai số 0000079, được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phan Thi Thu

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.